

Bản án số: 23/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 04-4-2025
V/v " ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Tin và bà Nguyễn Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tiến Đạt- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 400/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc " ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường Á, thành phố H, tỉnh Hải Dương

Bị đơn: Anh Cao Văn K, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Thôn N, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 4 khu lao động, dạy nghề Đ, Tiền Trại Giam Ngọc Lý (địa chỉ: xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang).

(Chị H và anh K vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11-4-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Hoàng Thị Thu H trình bày: Chị và anh Cao Văn K được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn UBND xã Lê Ninh vào ngày 26-6-2018. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn Nội Hợp, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh P đến tháng 8-2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K chơi bời, không

chịu làm ăn. Do vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh P. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 8-2023 đến nay. Kể từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ anh K có gọi điện nói với chị về đoàn tụ nhưng chị không về. Anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh P chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh K.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Cao Hoàng P, sinh ngày 5-10-2018. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị. Nay vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu. Chị tự nguyện không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm công nhân của công ty may Tinh Lợi, thu nhập trung bình khoảng 9.000.000 đồng/ tháng. Sau khi ly hôn chị được bố mẹ hỗ trợ về chỗ ở và chăm sóc con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Cao Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị Thu H được kết hôn vào năm 2018. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoàn toàn hạnh P đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2024 đến nay. Chị H xin ly hôn anh đồng ý. Vì anh xác định anh và chị H đã hết tình cảm.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Cao Hoàng P sinh năm 2018. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị H. Chị H muốn nuôi con anh đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đề nghị Tòa án không cần phải tiến hành hòa giải do hiện nay anh đang đi chấp hành án nên xin được vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa. Ngoài ra anh không còn ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị Thu H và bị đơn anh Cao Văn K đều vắng mặt vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Thu H được ly hôn anh Cao Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung là Cao Hoàng P, sinh ngày 5-10-2018 cho chị Hoàng Thị Thu H được tiếp tục nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị H tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Cao Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Hoàng Thị Thu H có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Cao Văn K. Anh K có đăng kí hộ khẩu thường trú tại thôn Nội Hợp, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H và anh K đều đã được triệu tập hợp lệ và có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh K.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thu H và anh Cao Văn K được tự nguyện tìm hiểu có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh P. Chị H và anh K cùng xác định vợ chồng đã sống ly thân không còn quan hệ về tình cảm và độc lập về kinh tế. Anh K cũng xác định không còn tình cảm với chị H. Chị H xin ly hôn anh đồng ý. Xác minh tại gia đình và địa pH thể hiện trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn, cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh P. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp

dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị H xử cho chị được ly hôn anh K là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Cao Hoàng P, sinh ngày 05-10-2018. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị H. Anh K và chị H cùng có nguyện vọng tiếp tục giao con cho chị H nuôi dưỡng. Xét nguyện vọng của các bên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, và cũng là để đảm bảo ổn định về sinh hoạt, học tập cho cháu. Do vậy áp dụng Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu P cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của chị Hoàng Thị Thu H được chấp nhận nên chị phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Thu H được ly hôn anh Cao Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung là Cao Hoàng P, sinh ngày 5-10-2018 cho chị Hoàng Thị Thu H được tiếp tục nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị H tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Cao Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền kí hiệu BLTU/23 số 0007103 ngày 02-12-2024 tại Chi cục thi hành án

dân sự thị xã Kinh Môn. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Đương sự;
- UBND xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt